TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 09/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trưởng

Ông Lê Văn Qui

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST–DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu vực TH, phường BT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu vực 2, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo biên nhận nợ. Cụ thể các khoản vay như sau:

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng: Bị đơn vay 50.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 16/12/2020 âm lịch, góp 10 tháng tính ra gốc và lãi là 75.000.000 đồng nhưng bị đơn không góp mà cho thêm 5.000.000 đồng tiền lãi nên tổng cộng vốn và lãi là 80.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng: Bị đơn vay 10.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 06/3/2021 âm lịch, góp 4 tháng tính ra vốn và lãi là 12.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng: Là tiền bị đơn mượn để chuộc xe vào ngày 20/4/2021 âm lịch.

Biên nhận nợ do nguyên đơn viết vào ngày 20/4/2021 âm lịch, chốt lại tất cả các khoản nợ, bị đơn có ký tên và ghi họ tên trong biên nhận.

Từ khi lập biên nhận nợ đến nay, bị đơn không trả gốc và lãi. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 95.000.000 đồng theo biên nhận nợ, trong đó có 63.000.000 đồng tiền gốc và 32.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 63.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi suất theo quy định pháp luật cho các khoản vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Văn Th trình bày: Ông Th không thống nhất phần trình bày của bà L. Bị đơn thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ 95.000.000 đồng do bà L cung cấp nhưng bản chất số tiền này như sau:

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng các lần vay như sau:

+ Lần 1: Bị đơn không nhớ thời gian cụ thể, vay 10.000.000 đồng, đóng lãi cứ 1.000.000 đồng thì 5.000 đồng tiền lãi/ngày, sau đó bị đơn mua quần áo vài triệu (không nhớ cụ thể số tiền) từ bà L, số tiền mua quần áo trở thành tiền vay và bị đơn đóng lãi tiếp.

+ Lần 2: Bị đơn mua quần áo, xà phồng, nhang đèn của bà L vài triệu, sau đó bà L đưa tiền thêm nên tổng cộng là 10.000.000 đồng, số tiền này tính là tiền vay, đóng lãi cứ 1.000.000 đồng thì 5.000 đồng tiền lãi/ngày.

Sau đó, bị đơn hết khả năng đóng lãi nên cộng tiền vốn và lãi lần 1, lần 2 là 30.000.000 đồng nên các bên có thỏa thuận ông Th trả cho bà L 36.000.000 đồng, góp mỗi ngày 300.000 đồng.

+ Lần 3: Bị đơn mua quần áo, xà phồng, nhang đèn của bà L vài triệu, sau đó bà L đưa tiền thêm nên tổng cộng là 10.000.000 đồng, số tiền này tính là tiền vay, đóng lãi cứ 1.000.000 đồng thì 5.000 đồng tiền lãi/ngày.

Tổng cộng các lần nêu trên vốn và lãi là 70.000.000 đồng nên ông Th có thỏa thuận đưa cho bà L thêm 10.000.000 đồng tiền lãi nên tổng cộng ra 80.000.000 đồng và thời gian như biên nhận nợ đã nêu.

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng: Ông Th vay bà L để chuộc xe vào ngày 06/3/2021 âm lịch, đóng lãi cứ 1.000.000 đồng thì 5.000 đồng tiền lãi/ngày, tuy nhiên ông Th không có khả năng trả nợ nên viết biên nhận nợ 12.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng: Ông Th vay của bà L 2.000.000 đồng để buôn bán vào ngày 20/4/2021 âm lịch, đóng lãi cứ 1.000.000 đồng thì 5.000 đồng tiền lãi/ngày, tuy nhiên ông Th không có khả năng trả nợ nên viết biên nhận nợ 3.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nêu trên ông Th chỉ lấy bà L 49.000.000 đồng tiền gốc. Ban đầu các bên thỏa thuận bên ngoài ông Th đồng ý trả cho bà L 95.000.000 đồng bao gồm gốc và lãi nên có ký tên vào biên nhận nợ do bà L cung cấp và hứa đến khi bán nhà sẽ trả, có giấy thỏa thuận hứa đến khi nào bán nhà trả do bà L giữ nhưng do bà L khởi kiện nên ông Th không đồng ý trả 95.000.000 đồng, bị đơn đã trả một phần lãi cho nguyên đơn nhưng không xác định cụ thể, yêu cầu Tòa án tính lãi lại theo quy định pháp luật. Các khoản vay của bà L, ông Th không ghi sổ sách hay giấy tờ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 63.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi suất theo quy định đối với các khoản tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền theo biên nhận nợ, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM. Do đó, đây là “Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã LM, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp biên nhận đề ngày 20/4/2021 âm lịch. Bị đơn thừa nhận có ký tên vào biên nhận này. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về xác định số tiền gốc trong biên nhận nợ:

[2.2.1] Đối với số tiền 80.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ: Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất về số tiền gốc. Cụ thể, nguyên đơn cho rằng trong tổng số 80.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ có 50.000.000 đồng tiền gốc; bị đơn không xác định được số tiền gốc cụ thể mà cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn nhiều lần xác định giao dịch vay cũng như mua bán (cấn trừ qua lại để trở thành tiền vay), bị đơn cho rằng vốn và lãi cho các lần nêu trên là 70.000.000 đồng nên bị đơn tự nguyện đưa thêm cho bà L thêm 10.000.000 đồng tiền lãi nên tổng cộng là 80.000.000 đồng theo biên nhận nợ. Lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong khi đó nguyên đơn xuất trình được biên nhận nợ. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"; "4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Do đó, việc bà L cho rằng đối với số tiền 80.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ có 50.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

[2.2.2] Đối với số tiền 12.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ: Nguyên đơn cho rằng có 10.000.000 đồng tiền gốc, bị đơn cho rằng có vay tiền của bà L, do không có tiền đóng lãi nên ghi biên nhận nợ 12.000.000 đồng (bao gồm gốc và lãi), bị đơn cũng không phản đối đối với số tiền gốc 10.000.000

đồng mà nguyên đơn đề cập. Do đó, có cơ sở xác định đối với số tiền 12.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ có 10.000.000 đồng tiền gốc.

[2.2.3] Đối với số tiền 3.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận nợ: Nguyên đơn cho rằng, đây là số tiền bị đơn mượn để chuộc xe, bị đơn cho rằng trong số tiền 3.000.000 đồng chỉ có 2.000.000 đồng tiền gốc. Lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định đối với số tiền 3.000.000 đồng là tiền gốc nguyên đơn cho bị đơn mượn.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định số tiền gốc trong giao dịch giữa các đương sự là:

50.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất: Khi vay các đương sự không xác định thời gian trả nợ, bị đơn cho rằng hứa đến khi nào bán nhà trả, các bên có lập văn bản thỏa thuận; nguyên đơn thừa nhận các bên có thỏa thuận việc ông Th bán nhà trả nợ, tuy nhiên không có văn bản thỏa thuận, các đương sự cũng không xác định cụ thể căn nhà nào cũng như không nêu cụ thể đến khi nào thì bán nhà và trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào". Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ.

Ngoài ra, các đương sự không thống nhất, xác định rõ lãi suất cho vay. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, yêu cầu này của nguyên đơn cũng phù hợp với ý kiến trình bày của bị đơn về việc yêu cầu tính lãi lại theo quy định, do đó Hội đồng xét xử có sự điều chỉnh lại. Cụ thể như sau:

[2.3.1] Đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng, nguyên đơn trình bày bị đơn vay vào ngày 16/12/2020 âm lịch, bị đơn không nhớ thời gian cụ thể nên Hội đồng xét xử xác định thời gian vay đối với số tiền này là ngày 16/12/2020 âm lịch (28/01/2021 dương lịch), tính đến ngày xét xử 09/3/2022 là: 01 năm 01 tháng 09 ngày x 50.000.000 đồng x 10%/năm = 5.539.450 đồng.

[2.3.2] Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng, các đương sự thống nhất ngày vay 06/3/2021 âm lịch (17/4/2021 dương lịch), tính đến ngày xét xử 09/3/2022 là: 10 tháng 20 ngày x 10.000.000 đồng x 10%/năm = 888.533 đồng.

[2.3.3] Đối với số tiền gốc 3.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thời gian phát sinh giao dịch là 20/4/2021 âm lịch, nguyên đơn cho rằng đây là số tiền mượn, bị đơn cho rằng đây là số tiền vay. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này vì xuất phát từ giao dịch mượn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét lãi đối với số tiền này.

[2.3.4] Nguyên đơn cho rằng, từ khi lập biên nhận cho đến nay bị đơn chưa trả lãi, bị đơn cho rằng đã trả lãi được một phần cho bà L nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 5.539.450 đồng + 888.533 đồng = 6.427.983 đồng.

[2.4] Bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ nên phải chịu trách nhiệm pháp lý về giao dịch đã xác lập. Do đó, có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 69.427.983 đồng, trong đó có 63.000.000 đồng tiền gốc và 6.427.983 đồng tiền lãi.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L.

2. Buộc bị đơn ông Lê Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Kim L số tiền 69.427.983 đồng (sáu mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng), trong đó có 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) tiền gốc và 6.427.983 đồng (sáu triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng) tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại số tiền 2.375.000 đồng (hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004067 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn phải chịu 3.471.000 đồng (ba triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền